TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 6/7/2017.
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Mừng.**

2. Ông **Võ Lâm Sơn.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Dương.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông **Tôn Văn Xuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình – xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2017giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 61/10 ấp T1, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều N**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp T1, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 9/02/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn K trình bày:

Về hôn nhân:

Sau thời gian tìm hiểu năm 2010 anh và chị N tổ chức lễ cưới có đăng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẩn nguyên nhân do vợ chồng sống không phù hợp nhau thường hay cự cải nhau, vợ bỏ nhà đi nên vợ chồng

ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh năm 2011 đang sống với chị N, đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị N không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với Chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy chị N chấp hành pháp luật tố tụng chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa anh Khanh và chị N là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân không thể hàn gắn và chị N đang nuôi con, yêu cầu của anh Khanh có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Kiều N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].*Về nội dung*

[2.1].Hôn nhân giữa anh Nguyễn Tuấn K và chị Nguyễn Thị Kiều N là hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn kéo dài và có thời gian ly thân từ năm 2013 đến nay. Qua xác minh tại địa phương cũng nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi và ly thân nhau sau đó chị N đi làm công nhân nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Khanh.

[2.2].Về quan hệ con chung: Anh K đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh năm 2011 anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con

theo quy định. Xét thấy cháu K đang sống với chị N có cuộc sống ổn định. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K, chị N được tiếp tục nuôi cháu K, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ cho đến khi con chung trưởng thành.

Anh K được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3].Về tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận anh K xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[2.4].Về án phí hôn nhân sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh K phải chịu án phí HNST là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 273, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh **Nguyễn Tuấn K** xin ly hôn chị **Nguyễn Thị Kiều N**. Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 13/5/2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho anh K chị N không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Chị **Nguyễn Thị Kiều N** được tiếp tục nuôi con tên **Nguyễn Trung K**, sinh ngày 01/9/2011. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ, bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2017 cho đến khi con chung trưởng thành.

Anh K không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh K xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Nguyễn Tuấn K phải chịu 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ. Tổng cộng 600.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0013685 ngày 8/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới phải nộp tiếp 300.000đ.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình